TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG
CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY
PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, quận 9, Tp. HCM
Tel: (028) 37283519, 36402353 Fax: (028) 36402354
Website: http://www.ceeco.vn

VILAS 409

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: VIMCERTS 064

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 204/06-18

Mã mẫu: 1806N374 (081/06-18) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM

Địa chỉ lấy mẫu : TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỦ CHI
Số 21, QL 22, ấp Trạm Bơm, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM

Ngày lấy (nhận) mẫu : 08/06/2018 **Ngày trả kết quả**: 15/06/2018

Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu : Nước cấp

Mô tả mẫu : Nước trong

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **NC1** Lấy tại đầu mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT (Cột B)
1	Chất rắn hoà tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C-2012	17,3	**1000**
2	*Amoni (theo N)	mg/L	TCVN 5988-1995	0,023	**3**
3	Sunfua (H_2S)	mg/L	TCVN 6494-1999	KPH	**0,05**
4	Florua (F^-)	mg/L	TCVN 6195-1999	KPH	**1,5**
5	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3500-2012	KPH	**0,01**
6	Phenol	mg/L	TCVN 6216-1996	KPH	**1**
7	Thuỷ ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3500-2012	KPH	**0,001**
8	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3500-2012	KPH	**0,01**
9	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3111B-2012	KPH	**0,2**
10	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B-2012	4,91	**200**
11	Tổng hoạt độ phóng xạ α	pCi/l	SMEWW 7110B	<0,1	**3**
12	Tổng hoạt độ phóng xạ β	pCi/l	SMEWW 7110B	1,54	**30**
13	Benzen	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**10**
14	Monocloramin	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**3**
15	Benzo(a)pyren	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**0,7**
16	Monoclorobenzen	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**300**

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện
**: Chỉ tiêu được VILAS công nhận.*
***QCVN 01:2009/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC

PGĐ.HOÀNG VĂN TÍN

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG
CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY
PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, quận 9, Tp. HCM
Tel: (028) 37283519, 36402353 Fax: (028) 36402354
Website: http://www.ceeco.vn
VILAS 409

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: VIMCERTS 064

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 206/06-18

Mã mẫu: 1806N375 (071/06-18) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM

Địa chỉ lấy mẫu : TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỦ CHI
Số 21, QL 22, ấp Trạm Bơm, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM

Ngày lấy (nhận) mẫu : 08/06/2018 **Ngày trả kết quả**: 15/06/2018

Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu : Nước cấp

Mô tả mẫu : Nước trong

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **NC2** Lấy tại giữa mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT (Cột B)
1	Chất rắn hoà tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C-2012	15,3	**1000**
2	*Amoni (theo N)	mg/L	TCVN 5988-1995	0,025	**3**
3	Sunfua (H_2S)	mg/L	TCVN 6494-1999	KPH	**0,05**
4	Florua (F^-)	mg/L	TCVN 6195-1999	KPH	**1,5**
5	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3500-2012	KPH	**0,01**
6	Phenol	mg/L	TCVN 6216-1996	KPH	**1**
7	Thuỷ ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3500-2012	KPH	**0,001**
8	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3500-2012	KPH	**0,01**
9	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3111B-2012	KPH	**0,2**
10	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B-2012	4,56	**200**
11	Tổng hoạt độ phóng xạ α	pCi/l	SMEWW 7110B	<0,1	**3**
12	Tổng hoạt độ phóng xạ β	pCi/l	SMEWW 7110B	1,29	**30**
13	Benzen	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**10**
14	Monocloramin	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**3**
15	Benzo(a)pyren	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**0,7**
16	Monoclorobenzen	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**300**

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện
**: Chỉ tiêu được VILAS công nhận.*
***QCVN 01:2009/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG

PGĐ.HOÀNG VĂN TÍN

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG
CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY
PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, quận 9, Tp. HCM
Tel: (028) 37283519, 36402353 Fax: (028) 36402354
Website: http://www.ceeco.vn
VILAS 409

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: VIMCERTS 064

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 208/06-18

Mã mẫu: 1806N376 (081/06-18) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM

Địa chỉ lấy mẫu : TRẠM CẤP NƯỚC KCN TÂY BẮC CỦ CHI
Số 21, QL 22, ấp Trạm Bơm, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM

Ngày lấy (nhận) mẫu : 08/06/2018 **Ngày trả kết quả**: 15/06/2018

Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả

Loại mẫu : Nước cấp

Mô tả mẫu : Nước trong

Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường

Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **NC3** Lấy tại cuối mạng lưới phân phối nước

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT (Cột B)
1	Chất rắn hoà tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C-2012	18,1	**1000**
2	*Amoni (theo N)	mg/L	TCVN 5988-1995	0,027	**3**
3	Sunfua (H_2S)	mg/L	TCVN 6494-1999	KPH	**0,05**
4	Florua (F^-)	mg/L	TCVN 6195-1999	KPH	**1,5**
5	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3500-2012	KPH	**0,01**
6	Phenol	mg/L	TCVN 6216-1996	KPH	**1**
7	Thuỷ ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3500-2012	KPH	**0,001**
8	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3500-2012	KPH	**0,01**
9	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3500-2012	KPH	**0,2**
10	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3500-2012	5,16	**200**
11	Tổng hoạt độ phóng xạ α	pCi/l	SMEWW 7110B	<0,1	**3**
12	Tổng hoạt độ phóng xạ β	pCi/l	SMEWW 7110B	1,23	**30**
13	Benzen	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**10**
14	Monocloramin	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**3**
15	Benzo(a)pyren	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**0,7**
16	Monoclorobenzen	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**300**

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện
**: Chỉ tiêu được VILAS công nhận.*
***QCVN 01:2009/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG

PGĐ.HOÀNG VĂN TÍN

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG
CENTER OF ENVIRONMENT AND APPLIED ECOLOGY
PTN: 76/19 Tây Hoà, phường Phước Long A, quận 9, Tp. HCM
Tel: (028) 37283519, 36402353 Fax: (028) 36402354
Website: http://www.ceeco.vn

VILAS 409

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: VIMCERTS 064

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 210/06-18

Mã mẫu: 1806N377 (081/06-18) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : XÍ NGHIỆP CẤP NƯỚC - CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ KHAI THÁC DỊCH VỤ THUỶ LỢI TP.HCM
Địa chỉ lấy mẫu : TRẠM CẤP NƯỚC SƯ ĐOÀN 9 VÀ KDC
Ngày lấy (nhận) mẫu : 08/06/2018 **Ngày trả kết quả**: 15/06/2018
Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả
Loại mẫu : Nước cấp
Mô tả mẫu : Nước trong
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, các hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **NC4** Tại trạm bơm

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	QCVN 01:2009/BYT (Cột B)
1	Chất rắn hoà tan (TDS)	mg/L	SMEWW 2540C-2012	16,1	**1000**
2	*Amoni (theo N)	mg/L	TCVN 5988-1995	0,028	**3**
3	Sunfua (H_2S)	mg/L	TCVN 6494-1999	KPH	**0,05**
4	Florua (F^-)	mg/L	TCVN 6195-1999	KPH	**1,5**
5	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3500-2012	KPH	**0,01**
6	Phenol	mg/L	TCVN 6216-1996	KPH	**1**
7	Thuỷ ngân (Hg)	mg/L	SMEWW 3500-2012	KPH	**0,001**
8	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3500-2012	KPH	**0,01**
9	Nhôm (Al)	mg/L	SMEWW 3111B-2012	KPH	**0,2**
10	Natri (Na)	mg/L	SMEWW 3111B-2012	4,76	**200**
11	Tổng hoạt độ phóng xạ α	pCi/l	SMEWW 7110B	<0,1	**3**
12	Tổng hoạt độ phóng xạ β	pCi/l	SMEWW 7110B	1,37	**30**
13	Benzen	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**10**
14	Monocloramin	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**3**
15	Benzo(a)pyren	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**0,7**
16	Monoclorobenzen	µg/L	PP.KT sắc ký	KPH	**300**

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện
**: Chỉ tiêu được VILAS công nhận.*
***QCVN 01:2009/BYT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống*

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng

PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM MÔI TRƯỜNG VÀ SINH THÁI ỨNG DỤNG

PGĐ.HOÀNG VĂN TÍN